TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **53**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2024.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Mai Hương.

2. Bà Nguyễn Thị Tiện.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Định, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản Tà Lọt, xã Tà Lại, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Khu 14, thôn Phú Liễn, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 13/3/2024, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Chị và anh X kết hôn với nhau từ ngày 06/5/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi ký kết hôn, chị T về sinh sống với gia đình anh X tại xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

Cuộc sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó do không hợp nhau nên chị T đã bỏ về sinh sống tại quê nhà ở Bản Tà Lọt, xã Tà Lại, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Bỏ về từ ngày 05/12/2011 từ đó cho đến nay chị và anh X không ai đi lại hoặc hỏi han nhau nữa.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin được ly hôn với anh X.

Về con chung: Có 01 cháu là Đinh Hồng K, sinh ngày 25/01/2012, từ khi sống ly thân với nhau, chị vẫn trực tiếp nuôi cháu và sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cháu và không yêu cầu anh X phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Không có gì.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị T xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn X trình bày.

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân, con chung anh X nhất trí như chị T khai. Nay anh X cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc chị T có đơn xin ly hôn với anh, anh X nhất trí.

Về con chung: Sau khi ly hôn anh nhất trí giao cháu Đinh Hồng Khuyên, sinh ngày 25/01/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu, về việc đóng góp tiền nuôi con, do anh không có thu nhập ổn định, anh X đề nghị Tòa án miễn đóng góp tiền nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Không có. Về vay nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của

mình. Đã có bản tự khai, có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử cho chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn X được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Đinh Hồng K, sinh ngày 25/01/2012 đến khi trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn X.

Về tài sản chung, về nợ chung không có.

Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả trình tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện, đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, đã có bản tự khai, có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh X đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng với nhau về quan điểm sống và chính thức hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ ngày 05/12/2011. Từ đó hai anh chị không đi lại thăm hỏi nhau nữa, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T có đơn xin ly hôn với anh X, anh X nhất trí.

Về tình cảm cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều nhất trí ly hôn, xét thấy tình cảm đã thực sự mâu thuẫn, đời sống chung không thể duy trì, cần giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh X có với nhau 01 con chung là cháu Đinh Hồng K, sinh ngày 25/01/2012. Từ khi cháu sinh ra và cho đến nay cháu đang ở với chị T, anh X cũng nhất trí do vậy cần giao cháu Đinh Hồng Khuyên cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Về việc đóng góp tiền nuôi con chị T không yêu cầu anh X phải đóng góp, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Hai đương sự đều xác định không có, nên không đề cập việc giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự đều xác định quá trình chung sống không có nợ chung nên không đề cập việc giải quyết.

Về án phí:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn X được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Hồng K, sinh ngày 25/01/2012 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về việc đóng góp tiền nuôi con do chị Đinh Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn X phải đóng góp, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí DS/ST được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000477, ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn anh Nguyễn Văn X biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án DS Mộc Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Tĩnh; huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mộc Châu, ngày 29 tháng 3 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Mai Hương và bà Nguyễn Thị Tiện.

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi … giờ … phút ngày 29/3/2024, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: xin ly hôn giữa.

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản Tà Lọt, xã Tà Lại, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Khu 14, thôn Phú Liễn, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. HĐXX thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và biểu quyết, quyết định các nội dung cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn X được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Hồng Khuyên, sinh ngày 25/01/2012 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về việc đóng góp tiền nuôi con do chị Đinh Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn X phải đóng góp, nên không xem xét giải quyết.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

3. Về tài sản chung: Không có. Biểu quyết 3/3 nhất trí.

4. Về nợ chung: Không có. Biểu quyết 3/3 nhất trí.

5. Về án phí:

Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí DS/ST được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000477, ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn anh Nguyễn Văn X biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

Các hội thẩm **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**